

Số: 570/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục 123 thủ tục hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bến Tre

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thành lập Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bến Tre trên cơ sở hợp nhất Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 655/TTr-SNN ngày 24 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 123 thủ tục hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bến Tre (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025. Bãi bỏ tên 123 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre được ban hành kèm theo các Quyết định sau đây:

1. Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 06 thủ tục hành chính ban hành mới, 03

thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp, kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

2. Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục 05 thủ tục hành chính ban hành mới, 06 thủ tục hành chính thay thế, 33 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

4. Quyết định số 2305/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

5. Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính mới ban hành, 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

6. Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 04 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

7. Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

8. Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

9. Quyết định số 1559/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

10. Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

11. Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính thay thế, 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

12. Quyết định số 2661/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 06 thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực trồng trọt thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

13. Quyết định số 2306/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực trồng trọt thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

14. Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

15. Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 05 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

16. Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

17. Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 03 thủ tục hành chính thay thế, 02 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

18. Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 16 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

19. Quyết định số 2565/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

20. Quyết định số 1947/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

21. Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 02 thủ tục hành chính mới ban hành, 02 thủ tục hành chính thay thế và 04 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

22. Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn tỉnh Bến Tre.

23. Quyết định số 1804/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 04 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực chăn nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

24. Quyết định số 2229/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 03 thủ tục hành chính ban hành mới lĩnh vực chăn nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

25. Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 02 thủ tục hành chính ban hành mới lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

26. Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính ban hành mới lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

27. Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 03 thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

28. Quyết định số 2276/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

29. Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành thay thế, 02 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

30. Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 02 thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

31. Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 02 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

32. Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 12 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

33. Quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 16 thủ tục hành chính ban hành mới, 04 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

34. Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

35. Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 14 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

36. Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 07 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

37. Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

38. Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 02 thủ tục hành chính ban hành mới, 06 thủ tục hành chính thay thế, 14 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

39. Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

40. Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; danh mục 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

41. Quyết định số 2076/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 02 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực bảo hiểm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

42. Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 03 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực phòng, chống thiên tai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

43. Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh

vực khoa học công nghệ và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

44. Quyết định số 1397/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực khoa học công nghệ và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

45. Quyết định số 1951/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực quản lý công sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

46. Quyết định số 489/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính ban hành mới lĩnh vực kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

47. Quyết định số 2771/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 02 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

48. Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 02 thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

49. Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 04 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực quản lý công sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP.UBND tỉnh;
- Phòng: KSTT, KT, TTPVHCC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, PVN.



Trần Ngọc Tam



Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẾN TRE
(Kèm theo Quyết định số 570 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Danh mục thủ tục hành chính

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số)	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC	Địa điểm thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố TTHC	Mức độ Dịch vụ công
1. Lĩnh vực: Lâm nghiệp (14 TTHC)					
1	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý (Mã số: 1.000084)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)	Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 06/8/2024	Một phần
2	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý (Mã số: 1.000081)				
3	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh) (Mã số: 1.000058)	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 12/4/2019	Một phần
4	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức (Mã số: 1.000083)	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 12/4/2019	Một phần

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số)	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC	Địa điểm thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố TTHC	Mức độ Dịch vụ công
	1.000055)	Môi trường		ngày 22/01/2024	
5	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Mã số: 3.000198)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)	Quyết định số 2305/QĐ-UBND ngày 07/10/2022	Một phần
6	Phê duyệt Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên (Mã số: 1.000047)	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 21/02/2023	Một phần
7	Xác nhận bảng kê lâm sản (Mã số: 1.000047)	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 22/3/2024	Một phần
8	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế (Mã số: 1.007917)	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 05/01/2025	Một phần
9	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES (Mã số: 1.004815)	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 14/12/2021	Một phần
10	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình	Sở Nông nghiệp và		Quyết định số 1559/QĐ-UBND	Một phần

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số)	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC	Địa điểm thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố TTHC	Mức độ Dịch vụ công
	lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư (Mã số: 1.007918)	Môi trường		ngày 05/7/2024	
11	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý (Mã số: 1.012687)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)	Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 06/8/2024	Một phần
12	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế (Mã số: 1.007916)	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 05/01/2025	Một phần
13	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng (Mã số: 1.011470)	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 22/3/2024	Một phần
14	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương (Mã số: 1.012921)	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	Một phần
2. Lĩnh vực: Trồng trọt (10 TTHC)					
15	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính	Quyết định số 185/QĐ-UBND	Một phần

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số)	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC	Địa điểm thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố TTHC	Mức độ Dịch vụ công
	công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính (Mã số: 1.008003)			ngày 22/01/2020	
16	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng (Mã số: 1.012001)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)	Quyết định số 2661/QĐ-UBND ngày 19/11/2023	Một phần
17	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng (Mã số: 1.012002)				
18	Thu hồi thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân (Mã số: 1.011999)				
19	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng (Mã số: 1.012003)				
20	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng (Mã số: 1.012004)				
21	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân (Mã số: 1.012000)				
22	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (Mã số: 1.012005)	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Quyết định số 2765/QĐ-UBND	Toàn trình

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số)	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC	Địa điểm thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố TTHC	Mức độ Dịch vụ công
	1.012074)			ngày 29/11/2023	
23	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (Mã số: 1.012075)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)		Toàn trình
24	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên (Mã số: 1.012847)	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Quyết định số 2306/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	Một phần
3. Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật (07 TTHC)					
25	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Mã số: 1.012075)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre)	Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	Một phần
26	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Mã số: 1.004363)				Một phần
27	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (Mã số: 1.004493)			Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	Toàn trình

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số)	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC	Địa điểm thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố TTHC	Mức độ Dịch vụ công
28	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật (Mã số: 1.003984)		Bến Tre, tỉnh Bến Tre)	Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	Toàn trình
29	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (Mã số: 1.007931)		Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)	Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 06/02/2023	Một phần
30	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (Mã số: 1.007932)				Một phần
31	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón(Mã số: 1.007933)			Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 07/01/2020	Toàn trình
4. Lĩnh vực: Thú y (11 TTHC)					
32	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định,	Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	Một phần

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số)	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC	Địa điểm thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố TTHC	Mức độ Dịch vụ công
	thuốc thú y) (Mã số: 2.001064)		Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)		
33	Cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng, có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp chứng chỉ hành nghề thú y) (Mã số: 1.005319)				Một phần
34	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (Mã số: 1.001686)			Quyết định số 2565/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	Một phần
35	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (Mã số: 1.004839)				Toàn trình
36	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y (Mã số: 1.004022)			Quyết định số 1947/QĐ-UBND ngày 06/9/2023	Toàn trình
37	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (Mã số: 1.003566)	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 09/3/2023	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
38	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (Mã số: 1.011479)				Toàn trình

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số)	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC	Địa điểm thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố TTHC	Mức độ Dịch vụ công
39	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (Mã số: 1.011475)			Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 09/3/2023	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
40	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật(Mã số: 1.011477)				Toàn trình
41	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (Mã số: 1.002338)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Trạm Chăn nuôi và Thú y thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 17/5/2024	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
42	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (Mã số: 2.000873)			Quyết định số 1931/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	
5. Lĩnh vực: Chăn nuôi (07 TTHC)					
43	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng (Mã số: 1.008126)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn	Quyết định 1804/QĐ-UBND ngày 17/8/2022	Một phần
44	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng (Mã số: 1.008127)	Sở Nông nghiệp và Môi trường			Toàn trình

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số)	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC	Địa điểm thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố TTHC	Mức độ Dịch vụ công
45	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (Mã số: 1.008128)		Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)		Một phần
46	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (Mã số: 1.008129)				Toàn trình
47	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công (Mã số: 1.012832)			Quyết định số 2229/QĐ-UBND ngày 20/9/2024	Một phần
48	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công (Mã số: 1.012833)				Một phần
49	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước (Mã số: 1.012834)				Một phần
6. Lĩnh vực: Nông nghiệp và phát triển nông thôn (07 TTHC)					
50	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Mã số: 1.003388)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính	Quyết định số 232/QĐ-UBND	Toàn trình

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số)	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC	Địa điểm thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố TTHC	Mức độ Dịch vụ công
51	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Mã số: 1.003371)		công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)	ngày 31/01/2019	Toàn trình
52	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (Mã số: 1.003618)			Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 01/02/2019	Toàn trình
53	Công nhận làng nghề (Mã số: 1.003695)	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 05/9/2018	Một phần
54	Công nhận làng nghề truyền thống (Mã số: 1.003727)				Một phần
55	Công nhận nghề truyền thống (Mã số: 1.003712)			Quyết định số 2276/QĐ-UBND ngày 17/9/2020	Một phần
56	Hỗ trợ dự án liên kết (Mã số: 1.003397)			Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 22/1/2019 (thay thế)	Toàn trình
7. Lĩnh vực: Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn (02 TTHC)					
57	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu(Mã số: 1.003524)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính	Quyết định số 523/QĐ-UBND	Một phần

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số)	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC	Địa điểm thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố TTHC	Mức độ Dịch vụ công
58	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu (Mã số: 1.003486)		công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)	ngày 22/3/2019	
8. Lĩnh vực: Đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (01 TTHC)					
59	Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ (Mã số: 2.000746)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)	Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 22/1/2019	Một phần
9. Lĩnh vực: Thủy lợi (14 TTHC)					

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số)	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC	Địa điểm thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố TTHC	Mức độ Dịch vụ công
60	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh (Mã số: 1.003921)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)	Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	Toàn trình
61	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh (Mã số: 1.003893)				Toàn trình
62	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý (Mã số: 1.003867)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)	Quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 (ban hành mới)	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
63	Phê duyệt, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý (Mã số: 2.001804)	Sở Nông nghiệp và Môi trường			Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
64	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công			Quyết định số 1793/QĐ-UBND	Dịch vụ cung cấp

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số)	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC	Địa điểm thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố TTHC	Mức độ Dịch vụ công
	trình mới; lập bản, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh (Mã số: 1.004427)			ngày 23/8/2023	thông tin trực tuyến
65	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh (Mã số: 2.001796)				Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
66	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh (Mã số: 2.001795)				Toàn trình
67	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh (Mã số: 2.001793)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)	Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	Toàn trình
68	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân				Toàn trình

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số)	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC	Địa điểm thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố TTHC	Mức độ Dịch vụ công
	dân tỉnh (Mã số: 1.004385)				
69	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh (Mã số: 2.001791)				Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
70	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xây dựng công trình mới; lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh (Mã số: 1.001426)				Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
71	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh (Mã số: 2.001401)		Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố	Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	Toàn trình
72	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa	Sở Nông nghiệp và			Dịch vụ cung cấp

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số)	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC	Địa điểm thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố TTHC	Mức độ Dịch vụ công
	học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh (Mã số: 1.003880)	Môi trường	Bến Tre, tỉnh Bến Tre)		thông tin trực tuyến
73	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động nuôi trồng thủy sản; nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh (Mã số: 1.003870)				Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
10. Lĩnh vực: Đất đai (02 TTHC)					
74	Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đất đai trên địa bàn tỉnh Bến Tre (Mã số: 1.010769)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)	Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 12/10/2015	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
75	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép đối với các hoạt động liên quan đến đất đai trên địa bàn tỉnh Bến Tre (Mã số: 1.010770)	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 12/10/2015	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
11. Lĩnh vực: Thủy sản (22TTHC)					

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số)	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC	Địa điểm thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố TTHC	Mức độ Dịch vụ công
76	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên) (Mã số: 1.004923)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)	Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 20/5/2024	Một phần
77	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên) (Mã số: 1.004921)	Sở Nông nghiệp và Môi trường			Một phần
78	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất ương giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ) (Mã số: 1.004918)	Sở Nông nghiệp và Môi trường			Một phần
79	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) (Mã số: 1.004915)	Sở Nông nghiệp và Môi trường			Một phần
80	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 6 hải lý) (Mã số: 1.004684)	Sở Nông nghiệp và Môi trường			Toàn trình

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số)	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC	Địa điểm thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố TTHC	Mức độ Dịch vụ công
81	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu) (Mã số: 1.004913)	Sở Nông nghiệp và Môi trường			Một phần
82	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng (Mã số: 1.004680)	Sở Nông nghiệp và Môi trường			Một phần
83	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên (Mã số: 1.004656)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)		Một phần
84	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá (Mã số: 1.004697)	Sở Nông nghiệp và Môi trường			Một phần
85	Công bố mở cảng cá loại 2 (Mã số: 1.004694)	Sở Nông nghiệp và Môi trường			Một phần
86	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản (Mã số: 1.004359)	Sở Nông nghiệp và Môi trường			Toàn trình

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số)	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC	Địa điểm thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố TTHC	Mức độ Dịch vụ công
87	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển (Mã số: 1.004344)	Sở Nông nghiệp và Môi trường			Toàn trình
88	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (Mã số: 1.004692)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)	Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 20/5/2024	Toàn trình
89	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá (Mã số: 1.004056)	Sở Nông nghiệp và Môi trường			Một phần
90	Xóa đăng ký tàu cá (Mã số: 1.003681)	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 11/3/2022	Toàn trình
91	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá (Mã số: 1.003590)	Sở Nông nghiệp và Môi trường			Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
92	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu) (Mã số: 1.003666)	Sở Nông nghiệp và Môi trường			Toàn trình
93	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (Mã số: 1.003650)	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 20/5/2024	Toàn trình

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số)	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC	Địa điểm thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố TTHC	Mức độ Dịch vụ công
94	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (Mã số: 1.003634)	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 11/3/2022	Toàn trình
95	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá (Mã số: 1.003586)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)		Toàn trình
96	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu) (Mã số: 1.003593)	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 15/02/2019	Một phần
97	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (Mã số: 1.003563)	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 11/3/2022	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến

12. Lĩnh vực: Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (03 TTHC)

98	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ (Mã số: 2.001241)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)	Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
99	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ (Mã số: 2.001838)	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	Toàn trình

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số)	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC	Địa điểm thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố TTHC	Mức độ Dịch vụ công
100	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (Mã số: 2.001827)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bến Tre, tỉnh Bến Tre)	Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 05/01/2025	Một phần
13. Lĩnh vực: Bảo hiểm (02 TTHC)					
101	Chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (Mã số: 2.002169)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)	Quyết định 2076/QĐ-UBND ngày 24/9/2019	Toàn trình
102	Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp (Mã số: 1.005411)	Sở Nông nghiệp và Môi trường			Toàn trình
14. Lĩnh vực Phòng chống thiên tai (03 TTHC)					
103	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Mã số: 1.008408)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chi cục Thủy lợi và Xây dựng công trình	Quyết định 1474/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số)	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC	Địa điểm thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố TTHC	Mức độ Dịch vụ công
104	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (Mã số: 1.008409)				
105	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (Mã số: 1.008410)			Quyết định 1474/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	
15. Lĩnh vực: Khoa học công nghệ và môi trường (02 TTHC)					
106	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành (Mã số: 1.009478)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)	Quyết định 766/QĐ-UBND ngày 08/4/2021	Toàn trình
107	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Mã số: 1.001647)	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Quyết định 1397/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	Một phần
16. Lĩnh vực: Quản lý công sản (05 TTHC)					

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số)	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC	Địa điểm thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố TTHC	Mức độ Dịch vụ công
108	Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý sử dụng (Mã số: 1.001769)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)	Quyết định 1951/QĐ-UBND ngày 07/9/2023	Một phần
109	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (Mã số: 3.000327)	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Quyết định 392/QĐ-UBND ngày 17/02/2025	Toàn trình
110	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (Mã số: 3.000324)				
111	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (Mã số: 3.000328)				
112	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại (Mã số: 3.000326)				
17. Lĩnh vực: Kiểm lâm (09 TTHC)					
113	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng (Mã số: 1.012413)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn	Quyết định 489/QĐ-UBND ngày 20/3/2024	Một phần
114	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (Mã số:			Quyết định 1808/QĐ-UBND	

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số)	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC	Địa điểm thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố TTHC	Mức độ Dịch vụ công
	3.000152)		Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)	ngày 06/8/2024	
115	Quyết định giao rừng cho tổ chức (Mã số: 1.012688)				
116	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức (Mã số: 1.012689)				
117	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý (Mã số: 1.012690)				
118	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng (Mã số: 1.012691)				
119	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (Mã số: 1.012692)			Quyết định 1808/QĐ-UBND ngày 06/8/2024	
120	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu (Mã số: 3.000159)			Quyết định số 2771/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số)	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC	Địa điểm thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố TTHC	Mức độ Dịch vụ công
121	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ (Mã số: 3.000160)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)	Quyết định số 2771/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	Một phần
18. Lĩnh vực: Hoạt động xây dựng (02 TTHC)					
122	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh (Mã số: 1.013234)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, Phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)	Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 04/02/2025	Một phần
123	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh (Mã số: 1.013239)				